

d) Cơ quan quản lý hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản không được chia sẻ, cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin mang tính cá nhân trừ trường hợp phục vụ hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các hình thức khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản gồm:

a) Qua Cổng thông tin của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa chỉ <https://batdongsan.xaydung.gov.vn>;

b) Thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

c) Thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

d) Bằng hợp đồng giữa cơ quan quản lý hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản và bên khai thác, sử dụng dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật.

3. Đăng ký và cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có tính chuyên sâu, chi tiết về nhà ở và thị trường bất động sản gửi phiếu yêu cầu cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo các hình thức sau: nộp trực tiếp theo hình thức văn bản cho Bên cung cấp; gửi qua đường công văn, fax, bưu điện; đăng ký trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Bên cung cấp;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản xem xét cấp quyền truy cập quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản hợp lệ; trường hợp từ chối cung cấp quyền khai thác, sử dụng phải trả lời và nêu rõ lý do.

4. Các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này khi có nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu có tính chuyên sâu, chi tiết về nhà ở và thị trường bất động sản phải trả chi phí cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về giá. Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương IV

TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.
2. Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành có liên quan, địa phương trên phạm vi cả nước về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; sử dụng nguồn vốn được bố trí để xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tuân theo các quy định hiện hành; đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do các bộ, ngành có liên quan, địa phương chia sẻ, cung cấp.
3. Tổ chức đầu tư, xây dựng, nâng cấp hoặc thuê dịch vụ hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng việc kết nối đến các bộ, ngành có liên quan, địa phương trên phạm vi cả nước, lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm thống nhất để quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản đáp ứng việc kết nối đến các bộ, ngành có liên quan, địa phương trên phạm vi cả nước; xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, tổ chức vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản ở trung ương; chia sẻ, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
5. Xây dựng kế hoạch và quản lý sử dụng nguồn vốn được bố trí để điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu, xây dựng, duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tuân theo các quy định hiện hành.
6. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình phát triển của thị trường bất động sản; chia sẻ, cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản cho các bộ, ngành có liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước.
7. Công bố các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.
8. Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành có liên quan, địa phương thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

9. Tạo lập và bàn giao tài khoản truy cập cho các bộ, ngành phục vụ công tác chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản và tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 23. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về thu thập, chia sẻ, cung cấp các thông tin liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản được quy định tại Nghị định này trong phạm vi chức năng quản lý của mình; chỉ đạo các cơ quan thuộc ngành dọc đặt tại địa phương chia sẻ, cung cấp các thông tin theo quy định tại Nghị định này.

2. Bộ Công an phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để làm giàu dữ liệu có liên quan theo quy định của Chính phủ.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để làm giàu dữ liệu có liên quan theo quy định của Chính phủ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hỗ trợ các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp quốc gia về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá đảm bảo tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cấp kinh phí hàng năm từ ngân sách địa phương cho việc điều tra, thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và đầu tư, duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

2. Xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn.

3. Tổng hợp, báo cáo, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn theo quy định của Nghị định này.

4. Tổ chức thực hiện hoặc giao cho cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản cấp tỉnh thực hiện:

a) Xây dựng, quản lý, cập nhật các thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa phương;

b) Tạo lập và bàn giao tài khoản truy cập cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn phục vụ công tác báo cáo, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

Đối với chủ đầu tư dự án bất động sản, việc tạo lập và bàn giao tài khoản truy cập được thực hiện ngay sau khi dự án bất động sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư dự án bất động sản;

c) Đầu mối tiếp nhận các thông tin liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản địa phương do cơ quan, tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp;

d) Chia sẻ, cung cấp thông tin cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện việc thu thập, phân tích, công bố các thông tin tổng hợp về nhà ở và thị trường bất động sản của địa phương theo quy định trên Cổng thông tin của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản và trang thông tin điện tử do địa phương quản lý;

e) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành có liên quan, các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trên địa bàn thực hiện các quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định này;

g) Công bố các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này trên trang thông tin điện tử do địa phương quản lý.

5. Căn cứ yêu cầu công việc, tình hình thực tế của địa phương, chủ động bố trí công chức, viên chức phù hợp để xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định này.

6. Chỉ đạo thực hiện việc đảm bảo kết nối, liên thông giữa cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Thực hiện chia sẻ, báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định, đúng thời hạn. Chịu hoàn toàn trách nhiệm với nội dung, số liệu do mình cung cấp, chia sẻ. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không chia sẻ, cung cấp thông tin đúng thời hạn theo quy định thì có văn bản báo cáo và chia sẻ, cung cấp thông tin ngay sau khi có điều kiện thực hiện;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tài khoản được cung cấp và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình. Trường hợp mật khẩu bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản của mình, phải thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý và vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

c) Không được làm sai lệch, hư hỏng, thất thoát thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; chiếm giữ, tiêu hủy trái phép, làm hư hại thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

d) Không được lợi dụng việc chia sẻ, cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin trái với các quy định của pháp luật; cản trở việc khai thác, sử dụng thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định;

đ) Khai thác, sử dụng thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trái với quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật;

e) Không được chia sẻ, cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chia sẻ, cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp được cơ quan quản lý hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản có thẩm quyền cho phép;

g) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã chia sẻ, cung cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền:

a) Từ chối yêu cầu chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu trái với quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi quyền khai thác, sử dụng thông tin của mình bị vi phạm.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà hệ thống phần mềm dùng chung chưa hoàn thiện thì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo bằng văn bản giấy.

Khi hệ thống phần mềm dùng chung được hoàn thiện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chia sẻ, cung cấp thông tin theo hình thức trực tuyến theo quy định của Nghị định này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/06/2022 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (02b). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



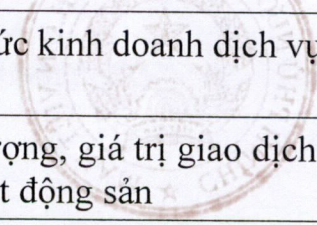
Trần Hồng Hà



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP
ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

Biểu mẫu số 1	Thông tin, dữ liệu về nhà ở trong tổng điều tra dân số và nhà ở, điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ
Biểu mẫu số 2	Thông tin, dữ liệu về tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
Biểu mẫu số 3	Thông tin, dữ liệu về Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở, kết quả thực hiện phát triển các loại hình nhà ở
Biểu mẫu số 4	Thông tin, dữ liệu của các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở tại địa phương
Biểu mẫu số 5	Thông tin, dữ liệu về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản; hoạt động của doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh bất động sản
Biểu mẫu số 6	Thông tin, dữ liệu về dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản
Biểu mẫu số 7	Thông tin, dữ liệu về phát hành trái phiếu doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản
Biểu mẫu số 8	Thông tin, dữ liệu về thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản
Biểu mẫu số 9	Thông tin, dữ liệu về bất động sản, dự án bất động sản trước khi đưa vào kinh doanh
Biểu mẫu số 10	Thông tin, dữ liệu về chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản
Biểu mẫu số 11	Thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch bất động sản của dự án
Biểu mẫu số 12	Thông tin, dữ liệu về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn
Biểu mẫu số 13	Thông tin, dữ liệu về cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các loại dự án bất động sản
Biểu mẫu số 14	Thông tin, dữ liệu về số lượng, giá trị giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực
Biểu mẫu số 15	Thông tin, dữ liệu về đất ở để đấu giá và tình hình đấu giá đất ở của các dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây dựng nhà ở



Biểu mẫu số 16	Thông tin, dữ liệu về tổ chức kinh doanh dịch vụ bất động sản đăng ký hoạt động
Biểu mẫu số 17	Thông tin, dữ liệu về số lượng, giá trị giao dịch bất động sản thông qua sàn giao dịch bất động sản
Biểu mẫu số 18	Thông tin, dữ liệu về chứng chỉ môi giới bất động sản được cấp trong kỳ
Biểu mẫu số 19	Thông tin, dữ liệu về cá nhân đã được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội
Biểu mẫu số 20	Thông tin, dữ liệu về tổ chức, cá nhân người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam
Biểu mẫu số 21	Thông tin, dữ liệu về nhà ở phục vụ tái định cư
Biểu mẫu số 22	Thông tin, dữ liệu về nhà ở công vụ hiện có và đang sử dụng
Biểu mẫu số 23	Thông tin, dữ liệu về chương trình hỗ trợ nhà ở trên địa bàn theo các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ về nhà ở khác theo quy định pháp luật
	Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở TRONG TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ
VÀ NHÀ Ở; ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ**

Kỳ báo cáo: 5 năm

1. Đơn vị chia sẻ, cung cấp thông tin: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2. Đơn vị tiếp nhận thông tin: Bộ Xây dựng

TT		Tổng số	Theo mức độ kiên cố và loại nhà			
			Mức độ kiên cố		Loại nhà ở	
			Nhà ở kiên cố và nhà ở bán kiên cố (căn)	Nhà ở thiếu kiên cố và nhà ở đơn sơ (căn)	Nhà ở chung cư	Nhà ở riêng lẻ
I	Toàn quốc					
1	Đô thị					
2	Nông thôn					
II	Tỉnh/thành phố					
1					
	Đô thị					
	Nông thôn					
2					
	Đô thị					
	Nông thôn					
.....						

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRONG KỲ BÁO CÁO**

Kỳ báo cáo: Quý _____

1. Đơn vị chia sẻ, cung cấp thông tin: Bộ Tài nguyên và Môi trường
2. Đơn vị tiếp nhận thông tin: Bộ Xây dựng

STT	Loại hình bất động sản	Số lượng GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp lần đầu	Số lượng cấp GCN do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Số lượng cấp GCN cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	
				Số lượng GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp lần đầu	Số lượng cấp GCN do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở				
1	Nhà ở riêng lẻ/căn (Biệt thự, liền kề và nhà ở độc lập)				
2	Chung cư				
3	Đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản cho cá nhân tự xây dựng nhà ở (theo hình thức phân lô, bán nền)				
	Tổng cộng				

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở,
KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH NHÀ Ở**

Kỳ báo cáo: Năm _____

1. Đơn vị báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.....
2. Đơn vị tiếp nhận báo cáo: Bộ Xây dựng

TT	Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn đối với từng trường hợp phát triển nhà ở	Quy mô diện tích đất (ha)	Theo kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương (05 năm)		Kết quả số lượng hoàn thành (tính đến thời điểm báo cáo)		Thông tin về Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt (đính kèm theo định dạng *.pdf)
			SL (căn, căn hộ)	DT (m ²)	SL (căn, căn hộ)	DT (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	NHÀ Ở THƯƠNG MẠI						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
c	Đất ở						
(2)						
II	NHÀ Ở CÔNG VỤ						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
c	Biệt thự (nếu có)						
(2)						

III	NHÀ Ở XÃ HỘI						
3.1	Dự án nhà ở xã hội						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
(2)						
3.2	Dự án nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
(2)						
3.3	Dự án nhà lưu trú công nhân						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
(2)						
3.4	Dự án nhà ở xã hội do TLĐLĐVN làm chủ đầu tư						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
(2)						
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ NHÀ Ở						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						

b	Chung cư						
c	Đất ở						
(2)						
V	NHÀ Ở PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ						
(1)	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
c	Đất ở						
(2)						

Ghi chú:

- * Kế hoạch phát triển nhà (05 năm): là số liệu của chương trình kế hoạch phát triển nhà của địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.
- * Số hoàn thành: là số liệu đã được thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà của địa phương và hoàn thành xây dựng nhà ở trong năm.
- * SL - Số lượng; DT - Diện tích.

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
VÀO LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN; HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CÓ NGÀNH NGHỀ
KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**
Kỳ báo cáo: Quý

1. Đơn vị chia sẻ, cung cấp thông tin: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2. Đơn vị tiếp nhận thông tin: Bộ Xây dựng

Đơn vị tính: tỷ USD

TT	Nội dung	Số trong kỳ báo cáo	Số lũy kế từ đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản		
	Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực bất động sản		
II	Hoạt động của doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh bất động sản		
1	Số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động mới		
2	Số lượng doanh nghiệp tạm dừng hoạt động		
3	Số lượng doanh nghiệp giải thể		